



Bài báo nghiên cứu

TÌM HIỂU ĐOẠN TRÍCH “ĐẤT NƯỚC” CỦA NGUYỄN KHOA ĐIỀM TỪ LÝ THUYẾT ẨN DỤ Ý NIỆM

Nguyễn Đình Việt

Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Nguyễn Đình Việt – Email: viet.guitarlead@gmail.com

Ngày nhận bài: 09-8-2020; ngày nhận bài sửa: 10-10-2020; ngày duyệt đăng: 24-10-2020

TÓM TẮT

Bài viết này vận dụng lý thuyết ẩn dụ ý niệm của ngôn ngữ học tri nhận để xác lập và tìm hiểu ẩn dụ ý niệm thi ca trong đoạn trích *Đất Nước*¹ của Nguyễn Khoa Điềm, đồng thời nhấn mạnh mối quan hệ mật thiết giữa kinh nghiệm văn hóa và cá tính sáng tạo của nhà thơ. Ý niệm đất nước vốn trừu tượng đã trở nên gần gũi, dễ nhận hiểu hơn thông qua bốn cơ chế tạo thành ẩn dụ thi ca: mở rộng – chi tiết hóa – kết hợp – đặt vấn đề. Những biểu thức ẩn dụ ý niệm trong đoạn trích *Đất Nước* là những minh họa cụ thể cho những cảm nhận mới mẻ về đất nước và tư tưởng đất nước là của nhân dân được Nguyễn Khoa Điềm sáng tạo dựa trên cơ sở trải nghiệm của cá nhân trong mối tương quan với chính môi trường sống tự nhiên – xã hội, lịch sử – văn hóa của cộng đồng người Việt qua hàng nghìn năm tồn tại và phát triển.

Từ khóa: tri nhận; ẩn dụ ý niệm; ẩn dụ thi ca; *Đất Nước*; Nguyễn Khoa Điềm

1. Đặt vấn đề

Trải qua hàng nghìn năm lịch sử, *đất nước* đã trở thành một đề tài lớn, xuyên suốt trong thơ ca Việt Nam. Trong văn học trung đại, *đất nước* hiện lên một cách lớn lao, kì vĩ và thiêng liêng với những lời thơ đầy mạnh mẽ, tự hào khi khẳng định chủ quyền, cương vực lãnh thổ; nền văn hiến, phong tục, tập quán lâu đời của Đại Việt:

*Sông núi nước Nam vua Nam ở
Rành rành định phận tại sách trời*

(*Nam quốc sơn hà* – Lý Thường Kiệt)

*Như nước Đại Việt ta từ trước,
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu.
Núi sông bờ cõi đã chia,
Phong tục Bắc Nam cũng khác.*

(*Đại cáo bình Ngô* – Nguyễn Trãi)

Cite this article as: Nguyen Dinh Viet (2020). Exploring Nguyen Khoa Diem's excerpt “Dat Nuo” from the conceptual metaphor theory. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 17(10), 1892-1900.

¹ *Đất Nước* được Nguyễn Khoa Điềm viết hoa cả hai từ trong toàn bộ đoạn trích

Đến với văn học Việt Nam hiện đại, đặc biệt là giai đoạn 1945 – 1975 khi *nền văn học chủ yếu vận động theo hướng cách mạng hóa, gắn bó sâu sắc với vận mệnh chung của đất nước thì Tổ quốc trở thành nguồn cảm hứng lớn, một đề tài chủ yếu xuyên suốt và là đề tài bao quát toàn bộ nền văn học Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975, làm nên diện mạo riêng của văn học giai đoạn này (Literature 12 – episode 1, p.10-11)*. Đề tài đất nước tiếp tục được cảm nhận và khai thác ở những góc nhìn khác nhau, chẳng hạn:

*Việt Nam đất nước ta ơi,
Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn.
Cánh cò bay lả dập dờn,
Mây mờ che đỉnh Trường Sơn sớm chiều.*

(*Quê hương Việt Nam* – Nguyễn Đình Thi)

*Đất nước tôi thon thả giọt đàn bầu
Nghe dịu nỗi đau của mẹ*

(*Đất nước tôi* – Tạ Hữu Yên)

*Đất nước bốn nghìn năm
Vất vả và gian lao
Đất nước như vì sao
Cứ đi lên phía trước.*

(*Mùa xuân nho nhỏ* – Thanh Hải)

Rõ ràng, *đất nước* đã trở thành một *ý niệm* đặc biệt, độc đáo trong nhiều tác phẩm thơ ca. Khám phá *đất nước* qua ngôn ngữ, văn hóa, tư duy chắc chắn sẽ đem lại nhiều cảm nhận sâu sắc, mới mẻ và thú vị. Trong bài viết này, chúng tôi sẽ vận dụng lí thuyết về ẩn dụ ý niệm của Ngôn ngữ học tri nhận để tập trung tìm hiểu về ẩn dụ ý niệm thi ca trong đoạn trích *Đất Nước* của Nguyễn Khoa Điềm, *một trong những đoạn thơ hay nhất về đề tài đất nước trong thơ Việt Nam hiện đại (Literature 12 – episode 1, p.118)*, qua đó, thấy được những nét phổ quát và đặc thù trong mối liên hệ giữa văn hóa dân tộc với cá tính sáng tạo của nhà thơ.

2. Mối quan hệ giữa ẩn dụ ý niệm và ẩn dụ ý niệm thi ca

Ngôn ngữ học tri nhận xác định ẩn dụ là công cụ của tư duy, *ẩn dụ thâm nhập khắp trong cuộc sống hàng ngày, không chỉ trong ngôn ngữ mà còn cả trong tư duy và hành động. Hệ thống ý niệm thông thường của chúng ta, thông qua đó chúng ta tư duy và hành động, về cơ bản là có tính ẩn dụ (Lakoff, & Johnson, 1980, p.4)*.

Ẩn dụ ý niệm là một hình thức ý niệm hóa dựa trên cơ chế ánh xạ (phóng chiếu) từ một miền nguồn sang một miền đích nhằm tạo nên một mô hình tri nhận (mô hình ẩn dụ) giúp lĩnh hội miền đích một cách hiệu quả hơn. Trong đó, miền nguồn thường cụ thể, hữu hình, mang tính vật chất, với nhiều trải nghiệm sẽ ánh xạ đến miền đích thường khái quát, trừu tượng, mang tính phi vật chất, với ít trải nghiệm.

Tri nhận luận cho rằng ẩn dụ thi ca *phần lớn là sự mở rộng của hệ thống tư duy ẩn dụ truyền thống thường ngày của chúng ta (Lakoff, 1993, p.205)* và việc nghiên

cứu các ẩn dụ văn chương là sự mở rộng việc nghiên cứu các ẩn dụ thường ngày (Lakoff, 1993, p.203).

Như vậy, các ẩn dụ ý niệm thi ca có mối quan hệ trực tiếp với các ẩn dụ trong giao tiếp thường ngày và chúng được *mở rộng* từ những ẩn dụ cơ bản tạo nên hệ thống tri nhận của cộng đồng diễn ngôn. Sự cách tân của ẩn dụ trong thi ca có thể được hình dung trên hai phương diện: i) các ẩn dụ mới mẻ về ngôn ngữ trên cơ sở các ẩn dụ thường quy, ii) các ẩn dụ mới mẻ về ý niệm dựa trên việc chi tiết hóa và phức hóa các ẩn dụ ý niệm thường quy.

Chính Lakoff và Turner cũng đã đề ra bốn cơ chế tạo thành các ẩn dụ thi ca dựa trên các ẩn dụ thường quy, đó là: 1) Mở rộng (extending): Một số yếu tố ý niệm mới trong miền nguồn được đưa vào các ánh xạ, từ đó mở rộng ẩn dụ dựa trên cơ sở ẩn dụ ý niệm thường quy. 2) Chi tiết hóa (elaboration): Một yếu tố có sẵn của nguồn được tập trung mở ra theo chiều sâu để đưa lại cái nhìn khác so với truyền thống. 3) Kết hợp (composing): Là cơ chế phổ biến nhất, ở đó hai hay hơn hai ẩn dụ được vận dụng đồng thời trong một phạm vi hẹp của văn bản thi ca (như cùng một dòng thơ hay khổ thơ). 4) Đặt nghi vấn (questioning): Những cách hiểu mang tính ẩn dụ thường ngày của cộng đồng diễn ngôn được đặt lại vấn đề hay đưa ra nghi vấn về tính thích đáng của chúng (Lakoff, & Turner, 1989, p.67-72).

Việc vận dụng lý thuyết ẩn dụ ý niệm vào nghiên cứu diễn ngôn trong sự nhấn mạnh đến nền tảng kinh nghiệm trong tâm trí người dùng ngôn ngữ thực sự là một cách tiếp cận khá mới mẻ để tìm hiểu các đặc trưng tư duy, ngôn ngữ và văn hóa của một cộng đồng. Ở lĩnh vực thi ca, việc nghiên cứu này có thể gợi mở nhiều vấn đề trong mối quan hệ giữa cá tính sáng tạo của nhà thơ trong sự tương tác với văn hóa của cộng đồng diễn ngôn và hứa hẹn sẽ mang lại một hướng đi mới trong việc khám phá vẻ đẹp của tác phẩm văn chương.

3. Ẩn dụ ý niệm trong đoạn trích *Đất nước* của Nguyễn Khoa Điềm

Cùng với Tố Hữu, Chế Lan Viên, Giang Nam, Thanh Hải, Thu Bồn, Lê Anh Xuân, Phạm Tiến Duật..., Nguyễn Khoa Điềm thuộc thế hệ các nhà thơ thời kì chống Mỹ cứu nước. Thơ ông hấp dẫn bởi sự kết hợp giữa xúc cảm nồng nàn và suy tư sâu lắng của người trí thức về *đất nước*, con người Việt Nam. Ông luôn gắn ý thức, trách nhiệm công dân với sứ mệnh của người nghệ sĩ, dùng ngòi bút để phục vụ kháng chiến, cổ vũ chiến đấu. Trên tinh thần đó, *Mặt đường khát vọng* – bản trường ca viết về sự thức tỉnh của tuổi trẻ đô thị vùng tạm chiếm miền Nam về non sông *đất nước*, về sứ mệnh của thế hệ mình, xuống đường đấu tranh hòa nhập với cuộc chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược đã được Nguyễn Khoa Điềm hoàn thành tại chiến khu Trị – Thiên năm 1971.

Đoạn trích *Đất Nước* (phần đầu chương V của trường ca) là *một trong những đoạn thơ hay nhất về đề tài đất nước trong thơ Việt Nam hiện đại* (Literature 12 – episode 1, p.118). Tuy đã có nhiều bài nghiên cứu, đánh giá, phân tích đoạn trích *Đất Nước* nhưng chưa có bất cứ bài viết nào giải mã văn bản bằng lý thuyết ẩn dụ ý niệm.

Qua việc phân tích 90 câu thơ trong đoạn trích *Đất Nước*, chúng tôi xác lập ĐẤT NƯỚC là miền ý niệm đích được ánh xạ từ một số miền nguồn như CON NGƯỜI, VẬT

THỂ, THỜI GIAN, KHÔNG GIAN... trong sự kết hợp chặt chẽ với bốn cơ chế *mở rộng – chi tiết hóa – kết hợp – đặt vấn đề* đã giúp nhận hiểu ý niệm *đất nước* một cách cụ thể, rõ ràng và hết sức gần gũi, quen thuộc trong trải nghiệm của người Việt.

3.1. *Đất nước là con người*

Cả Lakoff và Kövecses đều đã xác lập STATE (NHÀ NƯỚC) là ý niệm đích với cấu trúc ẩn dụ A STATE IS A PERSON (NHÀ NƯỚC LÀ MỘT CON NGƯỜI) (xem thêm: Lakoff, 1993; Kövecses, 2005, 2010). Đây được xem là một ẩn dụ phổ quát (universality of metaphor), có trong hầu hết các ngôn ngữ. Trong thơ ca tiếng Việt, chúng ta dễ dàng bắt gặp nhiều ẩn dụ ý niệm ĐẤT NƯỚC LÀ CON NGƯỜI như:

*Việt Nam, ôi Tổ quốc thương yêu!
Trong khổ đau, Người đẹp hơn nhiều
Như bà mẹ sớm chiều gánh nặng
Nhẫn nại nuôi con, suốt đời im lặng...*

(Chào xuân 67 – Tố Hữu)

*Ôi Tổ quốc ta, ta yêu như máu thịt,
Như mẹ cha ta, như vợ như chồng*

(Sao chiến thắng – Chế Lan Viên)

*Rời ra đọc sách, cấy cày
Mẹ là đất nước, tháng ngày của con...*

(Mẹ ốm – Trần Đăng Khoa)

Ở đoạn trích *Đất Nước*, Nguyễn Khoa Điềm cũng cảm nhận ĐẤT NƯỚC LÀ CON NGƯỜI nhưng độc đáo là ở chỗ *đất nước* ở trong con người, là một phần của cơ thể con người (là *máu xương*) và ngược lại, con người cũng trở thành một phần của *đất nước*, con người hóa thân thành *đất nước*:

**1. Trong anh và em hôm nay
Đều có một phần Đất Nước;
2. Em ơi em Đất Nước là máu xương của mình
Phải biết gắn bó và san sẻ
Phải biết hóa thân cho dáng hình xứ sở
Làm nên Đất Nước muôn đời**

Những biểu thức ẩn dụ này như một lời tâm sự, nhắn nhủ của tác giả về mối quan hệ giữa mỗi cá nhân, mỗi con người với *đất nước* của mình. *Đất nước* không ở đâu xa mà hóa thân trong *anh và em*, trong mỗi con người Việt Nam. Sự sống của cá nhân cũng là sự sống của *đất nước* bởi *đất nước* chính là *máu xương* trong mỗi con người. Vì vậy, mỗi cá nhân cần phải biết *gắn bó, san sẻ, hóa thân* cho *đất nước*, nghĩa là cần có trách nhiệm giữ gìn, xây đắp cho *đất nước* phát triển và trường tồn.

Sự hóa thân của mỗi con người cho hình hài *đất nước* biểu hiện một cách rõ ràng và cụ thể. Đó là *những người vợ nhớ chồng, cặp vợ chồng yêu nhau, người học trò nghèo, những người dân nào và tất cả những cuộc đời...* Họ đã góp, đã hóa vào *đất nước*:

3. *Những người vợ nhớ chồng còn góp cho Đất Nước những núi Vọng Phu*

Cặp vợ chồng yêu nhau góp nên hòn Trống Mái

4. *Người học trò nghèo góp cho Đất Nước mình núi Bút, non Nghiên*

5. *Những người dân nào đã góp tên Ông Đốc, Ông Trang, Bà Đen, Bà Điểm*

6. *Những cuộc đời đã hóa núi sông ta*

Có thể khẳng định đây là một cảm nhận rất mới mẻ và độc đáo của Nguyễn Khoa Điềm về *đất nước* khi nhấn mạnh rằng chính nhân dân không tên tuổi đã làm nên *đất nước* chứ không phải là các triều đại, các anh hùng, hay các vị tướng... Đây là cũng là cách hình dung quen thuộc trong nhiều tác phẩm thơ Việt Nam hiện đại, luôn nhấn mạnh, ngợi ca sự hóa thân của con người vào *đất nước*:

Nay yêu quê hương vì trong từng nắm đất

Có một phần xương thịt của em tôi!

(*Quê hương – Giang Nam*)

Áo bào thay chiếu anh về đất

Sông Mã gầm lên khúc độc hành

(*Tây Tiến – Quang Dũng*)

Và sâu sắc hơn, *đất nước* với Nguyễn Khoa Điềm còn tồn tại trong sự kết hợp, giao cảm giữa mỗi cá nhân, giữa mọi người với nhau để tạo nên hình hài vẹn tròn của *đất nước*:

7. *Khi hai đứa cầm tay*

Đất nước trong chúng ta hài hòa nồng thắm

Khi chúng ta cầm tay mọi người

Đất nước vẹn tròn, to lớn

Đất nước cũng như một cơ thể con người, có bắt đầu, có lớn lên và cũng có tuổi tác:

8. *Đất Nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn*

Đất Nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc

9. *Hãy nhìn vào rất xa*

Vào bốn nghìn năm Đất Nước

Độc đáo hơn nữa đó là khi nhìn từ văn học dân gian, Nguyễn Khoa Điềm xem *đất nước* là *nhân dân, cha mẹ, thầy cô* dạy cho ta những truyền thống tốt đẹp về tình cảm đắm say, thủy chung, son sắt; đạo lý biết quý trọng tình nghĩa; sự kiên gan, bền chí trong công cuộc bảo vệ non sông, bờ cõi:

10. *Để Đất Nước này là Đất Nước của nhân dân*

Đất Nước của Nhân dân, Đất nước của ca dao thần thoại

Dạy anh biết “yêu em từ thuở trong nôi”

Biết quý công cầm vàng những ngày lặn lội

Biết trồng tre đợi ngày thành gậy

Đi trả thù mà không sợ dài lâu

3.2. **Đất nước là vật thể**

Ý niệm *đất nước* là ý niệm cơ bản và tồn tại trong ngôn ngữ của hầu hết các dân tộc trên thế giới. *Đất nước* vốn là một ý niệm trừu tượng và để nhận hiểu ý niệm này, Nguyễn Khoa Điềm đã xem *đất nước* của mình như những vật thể vật lí có thể cảm nhận bằng hình khối (*vẹn tròn, to lớn*) hay thậm chí cũng có thể cầm nắm, mang đi:

1. *Khi chúng ta cầm tay mọi người*

Đất nước vẹn tròn, to lớn

2. *Mai này con ta lớn lên*

Con sẽ mang đất nước đi xa

Và tất cả đều do nhân dân làm ra:

3. *Phải biết hóa thân cho dáng hình xứ sở*

Làm nên Đất Nước muôn đời

4. *Không ai nhớ mặt đặt tên*

Nhưng họ đã làm ra Đất Nước.

Như vậy, *đất nước* là một vật thể, là một sản phẩm sáng tạo đặc biệt của nhân dân.

Theo Nguyễn Khoa Điềm *đất nước* vốn gần gũi, thân thiết vô cùng, chỉ đơn giản là tập quán đặt tên con bình dị của người Việt, từ những *cái kèo, cái cột* mà thành tên và cũng từ truyền thống canh tác nông nghiệp lúa nước mà những vật *dụng* hàng ngày như *chày cối, giàn, sàng* cũng trở thành một phần *đất nước*, một phần nền văn minh Việt:

4. ***Cái kèo, cái cột*** thành tên

*Hạt gạo phải một nắng hai sương xay, giã, **giàn, sàng***

Và cũng như trên đã dẫn, *đất nước* không chỉ là nhân dân, cha mẹ, thầy cô mà *đất nước* còn là một vật sở hữu, một sản phẩm tinh thần được nảy sinh và tạo tác từ nền văn học dân gian:

5. ***Để Đất Nước này là Đất Nước của nhân dân***

Đất Nước của Nhân dân, Đất nước của ca dao thần thoại

3.3. **Đất nước là thời gian lịch sử**

Tuy không thể lí giải *đất nước* có từ bao giờ nhưng Nguyễn Khoa Điềm cũng rất sâu sắc khi khẳng định *Đất Nước có từ ngày đó*, khi gắn *đất nước* với những trải nghiệm qua dòng chảy *thời gian* lịch sử. Trong khi *thời gian* vốn cũng là một ý niệm trừu tượng, thường đóng vai trò miền nguồn trong nhiều biểu thức ẩn dụ (Lakoff, & Johnson, 1980, p.7-10). *Đất nước* có bắt đầu: *Đất Nước bắt đầu* với miếng trầu bây giờ bà ăn, trải qua *Thời gian* đằng đẵng với *bốn nghìn năm Đất Nước, bốn nghìn lớp người*... Như đã nói, *thời gian* cũng là một ý niệm trừu tượng, cho nên để cho dễ hình dung, tác giả phải gắn nó với thuộc tính cổ tích và lịch sử. Nói rõ hơn, để có thể đảm nhận miền nguồn, *thời gian* phải là *thời gian* trải nghiệm. *Đất nước* ở đây được đo đếm qua *thời gian* phát sinh, phát

triển của cộng đồng người Việt qua bao thế hệ: từ QUÁ KHỨ - khi *Lạc Long Quân và Âu Cơ/ Để ra đồng bào ta trong bọc trứng/ Những ai đã khuất* đến HIỆN TẠI – *Những ai bây giờ* và TƯƠNG LAI – *Dặn dò con cháu chuyện mai sau*. Tác giả đề cập đến dòng chảy thời gian trải nghiệm của *đất nước* như muốn nhắc nhở về bề dày lịch sử của dân tộc, về cội nguồn thiêng liêng của *đất nước* để cháu con muôn đời: *Hàng năm ăn đâu làm đâu/ Cũng biết cúi đầu nhớ ngày giỗ Tổ*.

3.4. *Đất nước là không gian*

Lấy nơi sinh sống đặt tên cho lãnh địa dân tộc mình là lẽ thường tình. Nhiều nước có tên gọi gắn với “đất” (land). Scotland là “đất của những người nói tiếng Gaelic”, Phần Lan (Finland) là “đất của những người nói tiếng Finnic”, Hà Lan (Holland) là “vùng đất cây cối rậm rạp” và cũng là “những vùng đất thấp” (Netherlands), Ba Lan (Poland) là “đất của dân tộc Poles”. Nhưng người Việt dùng từ nước để chỉ lãnh thổ dân tộc: nước Việt Nam. Điều này gắn với huyền sử Việt, số con của bà Âu Cơ nửa lên núi, nửa xuống biển nên non nước, đất nước cũng là nước, là quốc gia (Nguyen, 2009).

Như vậy, từ *đất nước* trong tiếng Việt dùng để chỉ *quốc gia* (state), dân tộc của người Việt là có lí do từ chính sự trải nghiệm của con người với môi trường tự nhiên, văn hóa, xã hội. Bản thân từ *đất nước* đã là một ý niệm độc đáo trong văn hóa Việt, nhưng đến với đoạn trích *Đất Nước* nó còn thú vị hơn khi được tác giả chia tách thành *Đất* và *Nước* rồi lại có khi nhập thành *Đất Nước* để lí giải, cảm nhận, suy tư bằng chính những địa điểm không gian cụ thể, đời thường – đó là những nơi ghi dấu những kỉ niệm quen thuộc hàng ngày của con người:

1. *Đất là nơi anh đến trường*

Nước là nơi em tắm

Đất Nước là nơi ta hò hẹn

Đất Nước là nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm

Đất nước còn là Không gian mệnh mông khi bao gồm cả núi sông, rừng bể; khơi gợi niềm tự hào về hình ảnh đất nước trù phú, giàu đẹp:

2. *Đất là nơi “con chim phượng hoàng bay về hòn núi bạc”*

Nước là nơi “con cá ngư ông móng nước biển khơi”

Đất Nước là nơi dân mình đoàn tụ

Đất là nơi Chim về

Nước là nơi Rồng ở

Ngoài bốn câu trúc ẩn dụ ý niệm đã mô tả và phân tích ở trên, chúng tôi còn nhận thấy nhiều cảm nhận mới mẻ về *đất nước* của Nguyễn Khoa Điềm như: *Đất nước* là ước mơ khi bao thế hệ cha ông gửi gắm cho con cháu: 1. *Mai này con ta lớn lên/ Con sẽ mang Đất Nước đi xa/ Đến những tháng ngày mơ mộng*; 2. *Và ở đâu trên khắp ruộng đồng gò bãi/ Chẳng mang một dáng hình, một ao ước, một lối sống ông cha...* *Đất nước* là danh lam, thắng cảnh: *Những người vợ nhớ chồng còn góp cho đất nước những núi Vọng Phu/ Cặp vợ*

chồng yêu nhau góp nên **hòn Trống Mái**; Người học trò nghèo góp đất nước mình **núi Bút, non Nghiên**; Con cóc, con gà quê hương cùng góp cho **Hạ Long thành thắng cảnh**... Đất nước là những dấu tích lịch sử **Gót ngựa của Thánh Gióng** đi qua còn **trăm ao đầm để lại/ Chín mươi chín con voi** góp mình **dựng đất Tổ Hùng Vương**... Đất nước là những dòng sông: **Những con rồng nằm im** góp **dòng sông xanh thẳm**; **Ôi những dòng sông** bắt nước từ **đâu/ Mà khi về Đất Nước** mình thì **bắt lên câu hát/ Người đến hát khi chèo đò, kéo thuyền vượt thác/ Gội trăm màu trên trăm dáng sông xuôi**... Tất cả đều được khởi nguồn từ nhân dân, qua việc *góp, cho, dựng, hóa*... để làm cho đất nước ngày càng giàu đẹp, trường tồn.

Đất nước là nơi hội tụ các giá trị văn hóa tốt đẹp của người Việt, từ những phong tục, tập quán quen thuộc, bình dị như tục ăn trầu, đặt tên con, cách búi tóc của phụ nữ: *Đất Nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn; Tóc mẹ thì bới sau đầu; Cái kèo, cái cột thành tên*... là đạo lí sống nghĩa tình, thủy chung: *Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn; Dạy anh biết “yêu em từ thuở trong nôi”/ Biết quý công cầm vàng những ngày lặn lội*... là truyền thống hiếu học: *Người học trò nghèo góp cho Đất Nước mình núi Bút, non Nghiên*; là truyền thống đánh giặc kiên cường, bất khuất: *Đất Nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc; Khi có giặc người con trai ra trận/ Người con gái trở về nuôi cái cùng con/ Ngày giặc đến nhà thì đàn bà cũng đánh; Có ngoại xâm thì chống ngoại xâm/ Có nội thù thì vùng lên đánh bại; Biết trồng tre đợi ngày thành gậy/ Đi trả thù mà không sợ dài lâu*... Sự sáng tạo và thành công của Nguyễn Khoa Điềm là ở chỗ đã chuyển tải tất cả những sự suy tư, chiêm nghiệm của mình về đất nước bằng chính chất liệu của văn học dân gian, qua những câu ca dao, thành ngữ, chuyện cổ tích, thần thoại... vốn rất quen thuộc và gần gũi để nhận hiểu một cách sâu sắc, trọn vẹn về đất nước trong chiều dài lịch sử và chiều sâu văn hóa dân tộc Việt.

4. Kết luận

Qua việc vận dụng lí thuyết ẩn dụ ý niệm của Ngôn ngữ học tri nhận, bài viết bước đầu đã xác lập được một số cấu trúc ẩn dụ ý niệm thi ca trong đoạn trích *Đất Nước* của Nguyễn Khoa Điềm. Những cấu trúc ẩn dụ ý niệm này hoàn toàn có thể giúp chúng ta lĩnh hội và nhận thức đầy đủ, sâu sắc về nội dung trọng tâm của văn bản: 1) *Những cảm nhận mới mẻ về đất nước trên các phương diện hình thành và tồn tại; không gian – địa lí và thời gian lịch sử; mối quan hệ giữa nhân dân với đất nước*. 2) *Tư tưởng đất nước là của nhân dân*. Chúng tôi cũng nhấn mạnh thêm rằng, các cấu trúc ẩn dụ ý niệm trong đoạn trích đều được xác lập trên cơ sở trải nghiệm của cộng đồng người Việt với chính môi trường sống tự nhiên và xã hội, với chính lịch sử và văn hóa của mình qua hàng ngàn năm tồn tại và phát triển. Sự sáng tạo của nhà thơ là đã *mở rộng – chi tiết hóa – kết hợp* ý niệm đất nước dựa trên các ẩn dụ thường quy trong sự kết hợp với chiêm nghiệm, kiến giải của riêng mình để tạo nên một *Đất Nước* quen thuộc, gần gũi nhưng cũng rất độc đáo, thú vị.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Kövecses, Z. (2005). *Metaphor in Culture. Universality and Variation*. New York: Cambridge University Press.
- Kövecses, Z. (2010). *Metaphor: A practical introduction*. Oxford, UK: Oxford University Press.
- Lakoff, G., & Johnson, M. (1980). *Metaphors We Live By*. Chicago: The University of Chicago Press.
- Lakoff, G., & Turner, M. (1989). *More Than Cool Reason. A Field Guide to Poetic Metaphor*. Chicago: University of Chicago Press.
- Lakoff, G. (1993). The contemporary theory of metaphor. In Ortony, A. (ed.), *Metaphor and Thought*, 202-251. Cambridge: Cambridge University Press.
- Ministry of Education and Training (2018). *Ngu van 12, tap 1 [Literature 12 – episode 1]*. Hanoi: Education Publishing House.
- Nguyen, D. D. (2009). “Nuoc” – mot tu dac Viet [“Water” – a pure Vietnamese word]. Retrieved from <https://tuoitre.vn/nuoc-mot-tu-dac-viet-355515.htm>

EXPLORING NGUYEN KHOA DIEM'S EXCERPT “DAT NUOC” FROM THE CONCEPTUAL METAPHOR THEORY

Nguyen Dinh Viet

School of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University Ho Chi Minh City, Vietnam

Corresponding Author: Nguyen Dinh Viet – Email: viet.guitarlead@gmail.com

Received: August 09, 2020; Revised: October 10, 2020; Accepted: October 24, 2020

ABSTRACT

This article applies the conceptual metaphor theory of cognitive linguistics to establish and explore poetic conceptual metaphors in Nguyen Khoa Diem's excerpt Dat Nuoc, while emphasizing the close relationship between cultural experience and creative personality of the poet. The concept of an abstract Dat Nuoc has become familiar and easier to understand through the four mechanisms that make up a poetic metaphor: extending – elaboration – composing – questioning. The expressions of conceptual metaphors in the excerpt Dat Nuoc are specific illustrations of the new perceptions of the country, and the thought that the nation is of people, which were created by Nguyen Khoa Diem based on his experience on the natural – social, historical-cultural living environment of the Vietnamese community over thousands of years of existence and development.

Keywords: cognitive; conceptual metaphor; poetic metaphor; *Dat Nuoc*; Nguyen Khoa Diem